

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày: 11-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Đại
Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trâm – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Trần Văn D**, sinh năm 1987. Giới tính: nam; ĐKKHKT và nơi cư trú: xóm 4 xã H, huyện H, tỉnh N; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Cự (đã chết); con bà Đỗ Thị Phượng (đã chết); Gia đình có 5 chị em, bị cáo là con thứ 4; vợ: Ngô Thị Hằng, sinh năm 1989; Có 03 con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 20-3-2006 TAND huyện H, tỉnh N xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị bắt từ ngày 03-12-2019. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Doãn Văn L, sinh năm 1988.
Nơi cư trú: xóm 4 xã H, huyện G, tỉnh N. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Cao Văn T
2. Chị Phạm Thị D

3. Chị Đỗ Thị N
4. Chị Nguyễn Thị Đ
5. Chị Lê Thị N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Văn D đã từng là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ tại ki ốt 29 khu du lịch T, huyện H, tỉnh N nhưng sau đó đã sang nhượng ki ốt 29 cho người khác từ tháng 6/2017. Tuy không còn kinh doanh nhưng D vẫn thường xuyên đến khu du lịch T để chơi qua đó quen biết anh Doãn Văn L đang là chủ kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ tại ki ốt số 47 khu du lịch du lịch T, huyện H, tỉnh N.

Tháng 10/2019, Công an huyện H bắt, xử lý chủ ki ốt 29 khu du lịch T về hành vi “Môi giới mại dâm”. Biết được thông tin này, D đã nhiều lần gọi điện thoại và nhắn tin cho anh L nói chủ ki ốt số 29 không nghe lời D nên D đã báo Công an để bắt giữ, xử lý về hành vi “Môi giới mại dâm”. D thông báo cho anh L, muốn làm ăn ở khu du lịch Thịnh L thì phải đưa cho D 3.000.000đồng để D đi quan hệ với Công an. Do bị D đe dọa và anh L còn biết D có nhiều mối quan hệ phức tạp lại còn nghiện ma túy nên anh L lo sợ D sẽ đưa người đến ki ốt của mình để sử dụng ma túy hoặc đưa người đến thực hiện hành vi mua bán dâm rồi báo Công an đến bắt giữ như vậy sẽ ảnh hưởng đến việc kinh doanh. Vì lo sợ nên anh L đã thực hiện theo yêu cầu của D, anh L đã chuyển 3.000.000đồng làm 02 lần vào tài khoản số 028721621987 của D mở tại Ngân hàng bưu điện Liên Việt Nam Định. Cụ thể: ngày 13-11-2019 anh L chuyển cho D số tiền là 1.000.000đồng; ngày 15-11-2019 anh L chuyển tiếp cho D số tiền là 2.000.000đồng. Khi nhận được tiền chuyển vào tài khoản, D đã rút toàn bộ tiền tại máy ATM của Ngân hàng Agribank tại thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu để sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Cũng với thủ đoạn như trên, ngày 16-11-2019 D tiếp tục yêu cầu anh L phải đưa thêm 1.000.000đồng nhưng do chưa có tiền nên anh L chưa đưa. Ngày 28-11-2019, D nhờ Cao Văn T, sinh năm 1994; trú tại: tổ 5 thị trấn C, huyện H, tỉnh N đến ki ốt của anh L để lấy 1.000.000đồng. D nói với T đây là tiền anh L nợ, đồng thời D thông báo cho anh L là có người đến lấy tiền và yêu cầu phải giao tiền cho D qua người đó. Do tiếp tục bị D đe dọa và không có đủ tiền nên anh L chỉ đưa cho Thái 500.000đồng. Thái cầm tiền rồi đưa lại cho D, D đã sử dụng số tiền 500.000 đồng để tiêu sài cá nhân hết.

Phát hiện Trần Văn D đe dọa và đã chiếm đoạt tiền nhiều lần, anh Doãn Văn L đã làm đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định và đề nghị xử lý Trần Văn D theo quy định của Pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của bản thân như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định Trần Văn D còn yêu cầu một số người đưa tiền cho D giúp đi quan hệ để không gặp khó khăn trong kinh doanh, cụ thể:

- Chị Phạm Thị D, sinh năm 1975; trú tại: khu 18 thị trấn Thịnh L, huyện H, tỉnh N; là chủ ki ốt Đức Dung tại khu du lịch Thịnh L.

- Chị Đỗ Thị Nụ, sinh năm 1973; trú tại: khu 17 thị trấn Thịnh L, huyện H, tỉnh N; là chủ ki ốt số 29 tại khu du lịch Thịnh L.

- Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969; trú tại: khu 17 thị trấn Thịnh L, huyện H, tỉnh N; là chủ quán karaoke tại khu du lịch Thịnh L.

- Chị Lê Thị Nhiệm, sinh năm 1982; trú tại: khu 17 thị trấn Thịnh L, huyện H, tỉnh N; là chủ ki ốt số 33 tại khu du lịch Thịnh L.

Chị D, chị N và chị N thấy việc D nói là không có căn cứ nên đã không đưa tiền cho D. Riêng chị Định đã đưa cho D 2.000.000đồng và nhờ D “Biết đưa nào nghiện hút thì bảo cô để cô tránh không cho vào quán”. Cơ quan CSĐT xác định hành vi của D đối với chị D, chị N, chị N, chị Đ không có căn cứ D đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do vậy, Cơ quan CSĐT không xử lý hình sự đối với hành vi này của D.

Đối với Cao Văn Thái: không biết việc D cưỡng đoạt tài sản mà chỉ đi lấy tiền hộ D nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKS-P3 ngày 04 tháng 2 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Trần Văn D về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Bị cáo Trần Văn D phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Văn D từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị miễn phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; Lời khai của bị hại; Lời khai người làm chứng; Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận: Do cần tiền tiêu xài nên Trần Văn D đã lợi dụng việc chủ ki ốt số 29 khu du lịch Thịnh L, huyện H, tỉnh N bị xử lý về hành vi “Môi giới mại dâm” để gọi điện, nhắn tin đe dọa anh Doãn Văn L là chủ ki ốt số 47 khu du lịch Thịnh L, huyện H, tỉnh N. Trần Văn D đưa ra thông tin cho rằng ki ốt 29 Thu Hiền bị “đập” là do D làm (tức là do D báo với Công an nên bị bắt) khiến anh L lo sợ. Biết D là đối tượng nghiện ma túy, nếu không đưa tiền thì D sẽ đưa người vào sử dụng ma túy hoặc đưa người đến thực hiện hành vi mua bán dâm rồi báo cho Công an đến bắt như việc D đã làm với ki ốt số 29. Do lo sợ việc D nói, anh L đã nhiều lần đưa cho D với tổng số tiền là 3.500.000đồng. D đã sử dụng số tiền chiếm đoạt được để tiêu xài cá nhân.

Hành vi nêu trên của Trần Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Văn D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, con còn nhỏ (đơn có xác nhận của UBND xã H) nên được hưởng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy, cần ấn định cho bị cáo mức hình phạt trong khung hình phạt đã truy tố, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Như vậy mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời cũng để cải tạo giáo dục bị cáo và làm gương cho kẻ khác.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử xét và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Theo quy định của pháp luật, bị cáo D phải hoàn trả cho anh Doãn Văn L số tiền đã chiếm đoạt.

Tại phiên toà, anh Doãn Văn L có quan điểm: bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không yêu cầu D phải trả lại cho anh số tiền đã chiếm đoạt nữa. Do vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện của anh L, không yêu cầu bị cáo D phải trả lại cho anh số tiền 3.500.000đồng đã chiếm đoạt.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 USB nhãn hiệu Kingston có chứa các file ghi âm, ghi hình cần được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 điện thoại Masstel màu đỏ đen thu của bị cáo D. Xét thấy có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên tịch thu hoá giá sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại Mobell màu xanh phím trắng và 01 điện thoại Xiaomi màu trắng thu giữ của bị cáo D nhưng xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với các chị D, chị N và chị N thấy việc D nói là không có căn cứ nên đã không đưa tiền cho D. Riêng chị Định đã đưa cho D 2.000.000đồng và nhờ D “Biết đưa nào nghiện hút thì bảo cô để cô tránh không cho vào quán”. Cơ quan CSĐT xác định hành vi của D đối với chị Du, chị N, chị N, chị Đ không có căn cứ D đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do vậy, Cơ quan CSĐT không xử lý hình sự đối với hành vi này của D là có căn cứ.

Đối với Cao Văn T: không biết việc D cưỡng đoạt tài sản mà chỉ đi lấy tiền hộ D nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Trần Văn D phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Văn D 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03-12-2019.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 USB nhãn hiệu Kingston.

- Tuyên tịch thu hoá giá sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 điện thoại Masstel màu đỏ đen.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Trần Văn D 01 điện thoại Mobell màu xanh phím trắng và 01 điện thoại Xiaomi màu trắng.

(Chi tiết cụ thể theo biên bản giao, nhận tài sản thi hành án số 28/20 ngày 13-2-2020 giữa phòng PC01 - Công an tỉnh Nam Định với Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

5. Về án phí: Bị cáo Trần Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo bị cáo Trần Văn D, bị hại Doãn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- CA; VKS tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại giam Đại An; Bị cáo.
- Lưu hồ sơ; VP.

Mai Thị Minh Hồng

